TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày: 09 – 5 – 2025
"Vv: Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thông Phi.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2024/TLST-DS ngày 27/11/2024, về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 14/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Trần Đăng S, sinh năm 1974; nơi cư trú: số C, đường số C, xóm E, thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: bà Hồ Thị Kim L, sinh năm 1978 và ông Phạm Tuấn A, sinh năm 1977; cùng nơi cư trú: số F, đường Đ, xóm D, thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt không có lý do chính đáng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1975; nơi cư trú: số C, đường số C, xóm E, thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt không có lý do chính đáng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng; nguyên đơn ông Trần Đăng S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh N đều trình bày thống nhất như sau:

Ông Trần Đăng S và bà Nguyễn Thị Thanh N là vợ chồng; ông S, bà N không có quan hệ bà con huyết thống gì với vợ chồng bị đơn bà Hồ Thị Kim L, ông Phạm Tuấn A mà chỉ quen biết nhau.

Ngày 28/12/2017 âm lịch; vợ chồng ông S, bà N có cho vợ chồng bà L, ông A vay số tiền 100.000.000đồng; thỏa thuận trả lãi hàng tháng với mức lãi suất 1,1%/tháng, thời hạn vay là 20 ngày kể từ ngày vay. Bà L đã viết giấy ghi nhận nội dung vay tiền này giao cho ông S giữ; chính là giấy ghi ngày 28/12/2017 âm lịch mà ông S đã cung cấp cho Tòa án (Bản phô tô); chữ viết và chữ ký ghi trong giấy này là chữ của bà L. Ông S, bà N đã giao cho bà L 100.000.000đồng tiền vay. Từ khi vay tài sản đến thời điểm Tòa án tiến hành hòa giải, vợ chồng ông A, bà L chỉ trả được 30.000.000đồng tiền vay gốc. Sau khi Tòa án hòa giải vợ chồng ông A, bà L tiếp tục trả đủ 100.000.000đồng tiền vay gốc. Vì vậy, hiện nay ông S, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: hiện nay ông S, bà N không yêu cầu giải quyết buộc bà L, ông A trả tiền vay và tiền lãi phát sinh trong hợp đồng vay tài sản này.

Ngoài ra, trước đây vợ chồng ông S, bà N có nhiều lần bán lúa cho vợ chồng bà L, ông A. Trong quá trình mua bán; bà L, ông A không thanh toán đủ tiền mua lúa. Đến ngày 16/11/2020, hai bên chốt nợ, thỏa thuận thống nhất bà L, ông A còn nợ ông S, bà N 100.000.000đồng; mỗi vụ mùa lúa hàng năm bà L, ông A sẽ trả cho ông S, bà N 10.000.000đồng cho đến khi trả đủ số tiền nợ 100.000.000đồng này; không thỏa thuận trả lãi. Từ khi vay tài sản đến thời điểm Tòa án tiến hành hòa giải, vợ chồng ông A, bà L chỉ trả được 40.000.000đồng tiền mua lúa; sau khi Tòa án hòa giải, vợ chồng ông A, bà L tiếp tục trả thêm được 15.000.000đồng và hiện nay còn nợ ông S, bà N 45.000.000đồng tiền mua lúa. Vì vậy, hiện nay ông S, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: hiện nay ông S, bà N yêu cầu giải quyết buộc bà L, ông A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S, bà N 45.000.000đồng tiền mua lúa còn nợ; ông S, bà N không yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài ra ông S, bà N không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

[2] Theo lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Hồ Thị Kim L trình bày:

Bà Hồ Thị Kim L, ông Phạm Tuấn A là vợ chồng; bà L, ông A không có quan hệ bà con huyết thống gì với vợ chồng ông Trần Đăng S, bà Nguyễn Thị Thanh N mà chỉ quen biết nhau.

Bà L thừa nhận vào ngày ngày 28/12/2017 âm lịch, vợ chồng bà L, ông A có vay của vợ chồng ông S, bà N 100.000.000đồng như nội dung ông S, bà N trình bày nêu trên; giấy ghi ngày 28/12/2017 âm lịch mà ông S đã cung cấp cho Tòa án là do bà L viết và ký. Từ khi vay tài sản cho đến ngày 31/3/2025; bà L, ông A đã trả được 45.000.000đồng tiền vay gốc; chỉ còn nợ ông S, bà N 55.000.000đồng tiền vay gốc trong khoản vay này.

Ngoài ra, trước đây vợ chồng bà L, ông A nhiều lần mua lúa của ông S, bà N như nội dung ông S, bà N đã trình bày nêu trên. Ngày 16/11/2020, hai bên chốt nợ, thống nhất: bà L, ông A còn nợ ông S, bà N 100.000.000đồng; thỏa thuận trả lãi hàng tháng với mức lãi suất là 2%/tháng; không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng thỏa thuận mỗi vụ mùa lúa hàng năm bà L, ông A sẽ trả cho ông S, bà N 10.000.000đồng cho đến khi trả đủ số tiền nợ 100.000.000đồng này. Giấy chốt nợ ghi ngày 26/11/2020 âm lịch mà ông S đã cung cấp cho Tòa án là do bà L viết và ký. Từ đó cho đến ngày 31/3/2025; bà L, ông A đã trả được 40.000.000đồng; chỉ còn nợ ông S, bà N 60.000.000đồng tiền mua lúa này. Đến năm 2023, hai bên thỏa thuận thống nhất không tính lãi nữa.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2025, bà L trình bày: bà L chấp nhận có nghĩa vụ liên đới cùng ông A trả cho ông S, bà N 55.000.000đồng tiền vay gốc và 60.000.000đồng tiền mua lúa còn nợ. Do các bên đã thỏa thuận không tính lãi nên bà L không chấp nhận trả tiền lãi. Ngoài ra bà L không có yêu cầu nào trong vụ án.

[3] Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 bản phô tô tờ giấy có chữ viết tay ghi ngày "16/11 (AL) 2020"; 01 bản phô tô tờ giấy có chữ viết tay ghi ngày "28/12/2017 AL".

[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng S: buộc ông Phạm Tuấn A, bà Hồ Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Đăng S, bà Nguyễn Thị Thanh N 45.000.000đồng tiền mua lúa còn nợ; buộc ông Phạm Tuấn A, bà Hồ Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Trần Đăng S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa; nguyên đơn ông Trần Đăng S vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Hồ Thị Kim L, ông Phạm Tuấn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện T, tỉnh Bình Thuận đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và áp dụng pháp luật:

Trong vụ án, chỉ có yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Đăng S, yêu cầu giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền mua lúa còn nợ phát sinh trong các hợp đồng mua bán lúa mà hai bên đã xác lập năm 2020; ngoài ra, vụ án không có yêu cầu nào khác của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*", căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Đối với yêu cầu của ông Trần Đăng S về việc giải quyết buộc bà Hồ Thị Kim L, ông Phạm Tuấn A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Đăng S, bà Nguyễn Thị Thanh N 45.000.000đồng tiền mua lúa chưa thanh toán. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1.1]. Các đương sự thừa nhận: Trước đây vợ chồng ông Trần Đăng S, bà Nguyễn Thị Thanh N có nhiều lần bán lúa cho vợ chồng bà Hồ Thị Kim L, ông Phạm Tuấn A; trong quá trình mua bán, vợ chồng bà L, ông A không thanh toán đủ tiền mua lúa; đến ngày 16/11/2020, hai bên chốt nợ, thỏa thuận thống nhất bà L, ông A còn nợ ông S, bà N 100.000.000đồng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy có đủ căn cứ xác định được: ông S, bà N và bà L, ông A đã xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán lúa nêu trên và đến ngày16/11/2020, vợ chồng bà L, ông A còn nợ ông S, bà N 100.000.000đồng tiền mua lúa.

[3.1.2]. Các bên tham gia giao dịch mua bán lúa nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và đều có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; pháp luật không quy định hợp đồng phải lập thành văn bản hoặc phải được công chứng, chứng thực. Do đó hợp đồng mua bán lúa mà các bên đã xác lập nêu trên đã đầy đủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự.

[3.1.3]. Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/03/2025, bị đơn bà Hồ Thị Kim L xác định bà L đã trả cho ông Trần Đăng S, bà Nguyễn Thị Thanh N 40.000.000đồng và còn nợ lại ông S, bà N 60.000.000đồng tiền mua lúa. Tuy nhiên theo đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 28/4/2025 của ông Trần Đăng S, ông S thừa nhận: đến nay bà L đã trả được 55.000.000đồng, chỉ còn nợ lại 45.000.000đồng tiền mua lúa. Bị đơn bà L, ông A cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh việc bà L, ông A trả tiền mua lúa cho ông S, bà N. Do đó, có đủ cơ sở xác định được: hiện nay bà L, ông A còn nợ ông S, bà N 45.000.000đồng tiền mua lúa.

[3.1.4]. Vì vậy, yêu cầu của ông Trần Đăng S về việc giải quyết buộc bà Hồ Thị Kim L, ông Phạm Tuấn A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Đăng S, bà Nguyễn Thị

Thanh N 45.000.000đồng tiền mua lúa còn nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.2]. Về tiền lãi: Các đương sự không yêu cầu trả tiền lải nên Hội đồng xét xử không giải quyết, xét xử.

[3.3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng S được chấp nhận toàn bộ. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: buộc bà Hồ Thị Kim L, ông Phạm Tuấn A có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án; trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Trần Đăng S.

[4] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh về việc đề nghị giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 117, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng S:

Buộc bà Hồ Thị Kim L, ông Phạm Tuấn A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Đăng S, bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền mua lúa còn nợ là 45.000.000đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng).*

[2] Về án phí:

Buộc buộc bà Hồ Thị Kim L, ông Phạm Tuấn A có nghĩa vụ liên đới nộp 2.250.000đồng *(Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trần Đăng S 3.250.000đồng *(Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006376, ngày 26/11/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

[3] Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Khánh